

Số: 16 /2015/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 07 tháng 7 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức tự đóng góp các khoản chi phí  
đối với người cao tuổi, người khuyết tật với dạng tật thân kinh,  
tâm thần có nhu cầu vào sống ở Trung tâm Bảo trợ xã hội,  
Trung tâm Bảo trợ người tâm thần**

### **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2440/TTr-STC ngày 30 tháng 6 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức tự đóng góp các khoản chi phí đối với người cao tuổi, người khuyết tật với dạng tật thân kinh, tâm thần có nhu cầu vào sống ở Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Bảo trợ người tâm thần thuộc tỉnh quản lý như sau:

1. Đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội bao gồm:

a) Người cao tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bến Tre thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Người cao tuổi có công với cách mạng (không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi) có nguyện vọng được vào ở và chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội;

c) Người khuyết tật với dạng tật thân kinh, tâm thần không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bến Tre nhưng không có điều kiện sống ở gia đình, có nhu cầu sống ở cơ sở bảo trợ xã hội, bản thân tự đóng góp kinh phí hoặc có người thân nhận bảo trợ đóng góp kinh phí

2. Đơn vị tiếp nhận đối tượng (đối tượng tự đóng góp các khoản chi phí và đối tượng ngân sách hỗ trợ chi phí) phải đảm bảo dự phòng 10% chi tiêu tiếp nhận đối tượng để ưu tiên tiếp nhận đối tượng chính sách khi có phát sinh.

3. Mức đóng góp các khoản chi phí:

a) Các khoản sinh hoạt phí của đối tượng người cao tuổi có công với cách mạng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này bằng hệ số 4,0 nhân với mức chuẩn theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và được trích từ tiền ưu đãi hàng tháng.

b) Mức đóng góp các khoản chi phí đối với người cao tuổi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này có nhu cầu sống tại Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện theo Phụ lục I.

c) Mức đóng góp các khoản chi phí đối với đối tượng khuyết tật quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này có nhu cầu sống tại Trung tâm Bảo trợ người tâm thần thực hiện theo Phụ lục II.

4. Công tác quản lý sử dụng các khoản chi phí đóng góp:

Các khoản chi phí đóng góp là nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, do đó đơn vị tổ chức thu phải hạch toán kế toán và thực hiện báo cáo quyết toán thu, chi theo chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức tự

đóng góp các khoản chi phí đối với người cao tuổi, người bệnh tâm thần có nhu cầu vào sống ở Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Bảo trợ người tâm thần./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ TB và XH;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TTHĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công TTĐT Chính phủ; ✓
- Công TTĐT tỉnh;
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo ĐK;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- N/c TCĐT, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Cao Văn Trọng*

Cao Văn Trọng

**Phụ lục I**

**QUY ĐỊNH MỨC ĐÓNG GÓP CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐỐI VỚI NGƯỜI  
CAO TUỔI CÓ NHU CẦU SỐNG TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 16 /2015/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng/người/tháng

STT	Nội dung đóng góp	Mức đóng góp
1	Tiền ăn	1,080
2	Sinh hoạt văn thể	100
3	Điện, nước, vệ sinh	100
4	Đóng góp xây dựng cơ sở vật chất	150
5	Vật dụng thiết yếu (gường nằm, mùng mền, chiếu, gối, khăn, chén, ly, muỗng...)	
	Tháng thứ nhất	800
	Từ tháng thứ 2 trở đi	200
6	Chi phí phục vụ, chăm sóc, cấp dưỡng, tiếp phẩm, quản lý hàng tháng	
	Chi phí phục vụ chăm sóc	hệ số 0,5 x mức lương cơ sở
	Cấp dưỡng, tiếp phẩm	hệ số 0,1 x mức lương cơ sở
	Quản lý phí hàng tháng	100
7	Bảo hiểm y tế đối với những đối tượng chưa có Bảo hiểm Y tế	4,5% x mức lương cơ sở x số tháng thực tế
8	Chi phí điều trị, thuốc uống	
	Đối với người cao tuổi không tự phục vụ	200
	Đối với người cao tuổi còn khả năng tự phục vụ	150
9	Chi phí nuôi bệnh	
	Đối với người cao tuổi không tự phục vụ	100
	Đối với người cao tuổi còn khả năng tự phục vụ	80

Mức đóng góp chi phí điều trị, thuốc uống quy định tại mục 8 là chi phí điều trị và thuốc uống cho những bệnh thông thường. Đối với những trường hợp đối tượng bị bệnh nặng thì thu theo các chi phí điều trị phát sinh thực tế mà đối tượng phải đóng (theo chứng từ thu thực tế của bệnh viện)/.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE  
  
Cao Văn Trọng

**Phụ lục II**  
**QUY ĐỊNH MỨC ĐÓNG GÓP CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐỐI VỚI**  
**ĐỐI TƯỢNG KHUYẾT TẬT CÓ NHU CẦU SỐNG**  
**TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ NGƯỜI TÂM THẦN**  
(Kèm theo Quyết định số 16 /2015/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng/người/tháng

STT	Nội dung đóng góp	Mức đóng góp
1	Tiền ăn	810
2	Sinh hoạt văn thể	100
3	Điện, nước, vệ sinh	100
4	Đóng góp xây dựng cơ sở vật chất	150
5	Vật dụng thiết yếu (giường nằm, mùng mền, chiếu, gối, khăn, chén, ly, muỗng ...)	
	Tháng thứ nhất	800
	Từ tháng thứ 2 trở đi	200
6	Chi phí phục vụ, chăm sóc, cấp dưỡng, tiếp phẩm, quản lý hàng tháng	
	Chi phí phục vụ chăm sóc	hệ số 1,0 x mức lương cơ sở
	Cấp dưỡng, tiếp phẩm	hệ số 0,1 x mức lương cơ sở
	Quản lý phí hàng tháng	100
7	Chi phí điều trị, thuốc uống	
	Đối với người khuyết tật đặc biệt nặng	500
	Đối với người khuyết tật nặng	300
	Đối với người khuyết tật nhẹ	200
8	Chi phí nuôi bệnh	
	Đối với người khuyết tật đặc biệt nặng	120
	Đối với người khuyết tật nặng	100
	Đối với người khuyết tật nhẹ	80

Mức đóng góp chi phí điều trị, thuốc uống quy định tại mục 7 là chi phí điều trị và thuốc uống cho những bệnh thông thường. Đối với những trường hợp đối tượng bị bệnh nặng thì thu theo các chi phí điều trị phát sinh thực tế mà đối tượng phải đóng (theo chứng từ thu của bệnh viện)/.



Cao Văn Trọng